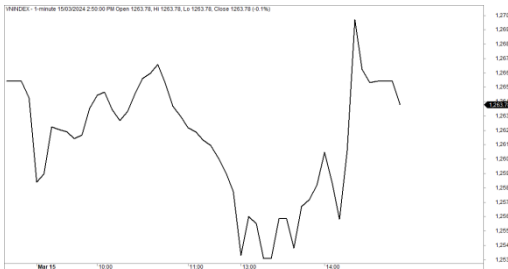


Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1,263.78	239.54	91.35
% ngày	-0.04%	-0.06%	-0.29%
% tuần	1.32%	1.36%	0.13%
% tháng	5.10%	2.92%	1.43%
% năm	18.98%	15.71%	19.27%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	27,470	2,345	747
TB 1 tuần	25,234	2,389	745
TB 1 tháng	24,471	2,074	837
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	2,624.37	103.73	10.21
Bán	3,929.70	85.80	70.27
Giá trị ròng	-1,305.32	17.93	-60.05
Độ rộng TT			
Mã Tăng	177	79	193
Mã Giảm	146	85	204
Không Đổi	96	161	506
Chỉ số chính			
P/E	14.58	20.03	17.43
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	5,118	322	1,193
LS Cổ tức	0.00%	0.00%	0.00%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Các chỉ số thị trường dao động mạnh hơn trong phiên hôm nay. Mặc dù có lúc giảm sâu trong phiên nhưng lực cầu vẫn khá chủ động đã giúp các chỉ số hồi phục đáng kể. Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 0.04% dừng tại 1263.78 điểm, chỉ số HNX-Index giảm 0.06% trong khi chỉ số Upcom-Index mất 0.29%. Giá trị giao dịch đạt 30,562 tỷ đồng trên cả 3 sàn.

Chỉ số VN30-Index vẫn còn giảm khá 0.31% với 15 mã giảm và 13 mã tăng. Trong đó nhóm Ngân hàng ghi nhận sắc xanh tăng nhẹ ở nhiều mã nổi bật VIB (3.69%), MBB (1.49%) trong khi nhóm Bất động sản ghi nhận lực cầu tham gia tích cực tại GVR (5.49%), HDC (6.89%), DXG (1.1%), DIG (3.64%). GAS (1.6%) cũng gây chú ý khi duy trì chuỗi mạch tăng điểm gần đây đóng cửa tại 82,300 đồng/cp. Ngược lại, VIC, VCB, VHM, VNM, POW, SAB giảm quanh 1%.

Nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ duy nhất tăng điểm trong phiên cuối tuần khi chỉ số đại diện VNSML-Index tăng 0.65%.

Khối ngoại bán ròng phiên thứ 4 liên tiếp với giá trị 1348 tỷ đồng trên cả 3 sàn trong đó HPG (198 tỷ), VHM (158 tỷ), VND (118 tỷ) dẫn đầu ở chiều bán ròng. Ở chiều ngược lại, FTS (139 tỷ), DIG (100 tỷ), EIB (70 tỷ), dẫn đầu ở chiều mua ròng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ quay trở lại đà tăng trong phiên giao dịch đầu tuần. Đồng thời, thị trường có thể sẽ còn phân hóa ở các phiên giao dịch đầu tuần khi dòng tiền vẫn chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu Midcaps và Smallcaps, nhưng chúng tôi kỳ vọng nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn có thể sớm quay trở lại đà tăng rõ ràng hơn trong tuần giao dịch tới, nếu chỉ số VN-Index vượt được mức 1,268 điểm thì đồ thị giá có thể nhanh chóng hướng về mức 1,330 điểm trong tuần giao dịch tới.

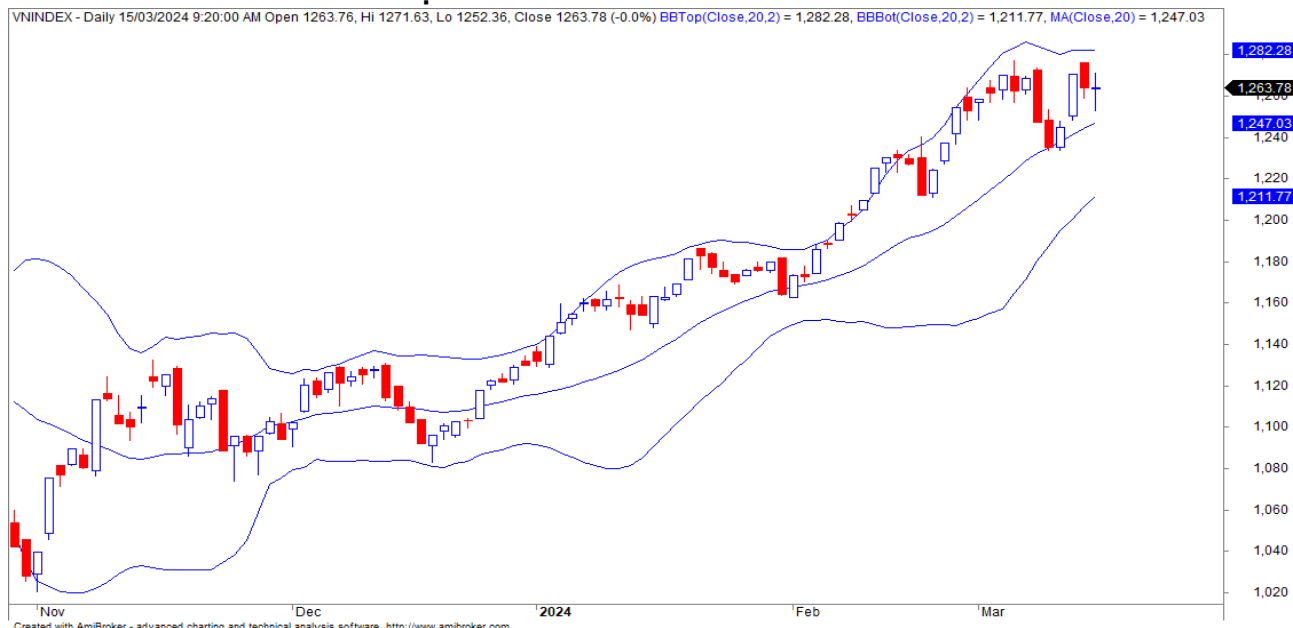
Xu hướng ngắn hạn của thị trường chung vẫn duy trì ở mức TĂNG. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao trong danh mục và mua mới ở các nhịp điều chỉnh.

Theo đồ thị tuần, chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 1.3% so với tuần giao dịch trước đó. Đồng thời, rủi ro trung hạn vẫn ở mức thấp và thị trường vẫn đang giai đoạn xu hướng trung hạn rõ ràng. Ngoài ra, xu hướng trung hạn của thị trường chung vẫn duy trì ở mức TĂNG. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức cao và tận dụng nhịp điều chỉnh để mua mới.

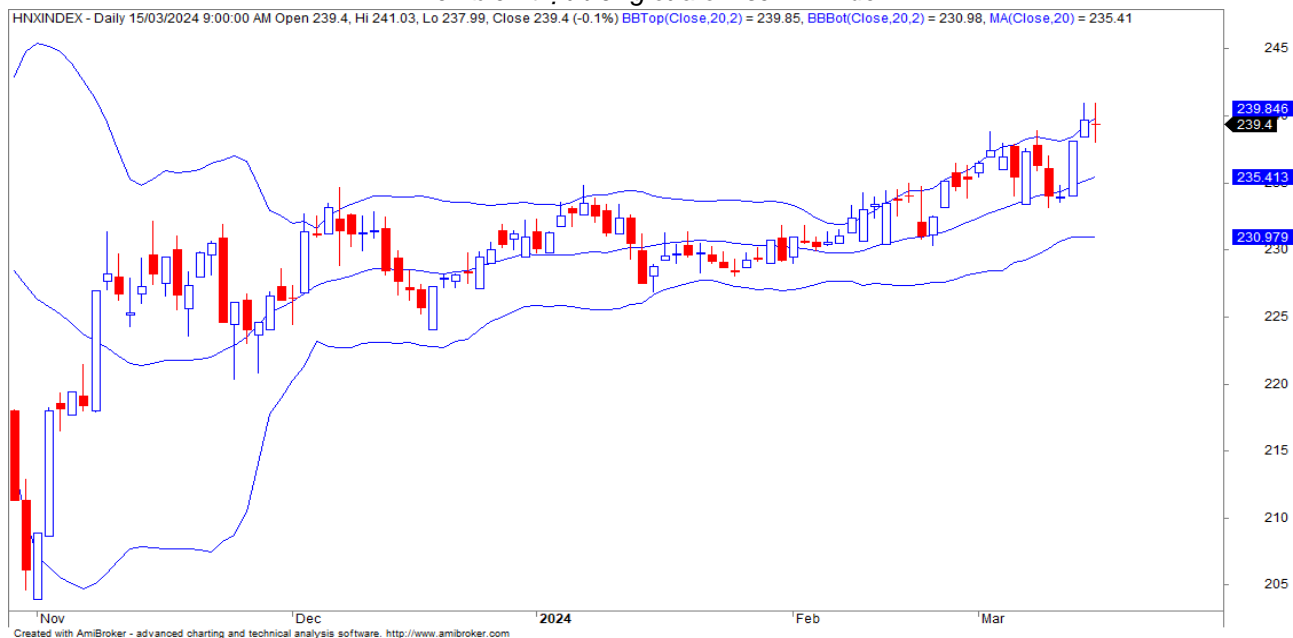
Tham khảo tín hiệu mua/bán cổ phiếu tại: <https://ysradar.yuanta.com.vn/>



BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	1253	1300	870	800
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	TĂNG	260	306	189	160
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	1270	1300	980	960
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	1280	1250	963	900
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	TĂNG	1250	1250	804	750

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	1263.78	-0.04%
VN30	1256.42	-0.31%
VN Mid	1905.53	-0.03%
VN Small	1513	0.65%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	239.54	-0.06%
HN30	522.44	-0.06%
VNX AllSh	1278.63	-0.16%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	91.35	-0.29%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	2624.374301	
Bán	3929.695376	
GT ròng	-	
	1305.321075	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	103.73	
Bán	85.80	
GT ròng	17.93	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	10.21	
Bán	70.27	
GT ròng	-60.05	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VFG	3900	6.93%
HDC	2150	6.89%
NAF	1050	6.80%
SAV	1000	6.71%
GVR	1800	5.49%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MCO	3100	9.81%
VNC	4000	9.15%
CSC	1500	5.08%
VC7	600	5.08%
TA9	700	5.04%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BT1	0	13.64%
BLF	0	11.95%
DRI	36533422	9.86%
PVL	24372001	9.72%
BDT	18907000	6.94%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
FRT	-7000	-4.55%
VIC	-1550	-3.37%
SCS	-2400	-2.98%
BKG	-120	-2.62%
VSC	-500	-2.20%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
API	-200	-3.77%
IVS	-400	-2.80%
TKG	-200	-2.74%
ITQ	-100	-2.70%
CMS	-500	-2.59%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VNH	-458	-11.74%
HHG	-128	-5.82%
SCJ	-251	-5.02%
MCH	-6677	-4.87%
VRG	-1411	-4.00%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VCB	530,963,670	
BID	294,712,536	
VHM	186,802,365	
GAS	186,035,928	
CTG	184,996,216	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
IDC	19,898,996	
PVS	18,114,922	
HUT	16,600,723	
SHS	15,531,294	
THD	13,436,499	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	193,798,659	
VGI	116,885,394	
MCH	98,406,106	
BSR	60,090,783	
VEA	48,139,766	

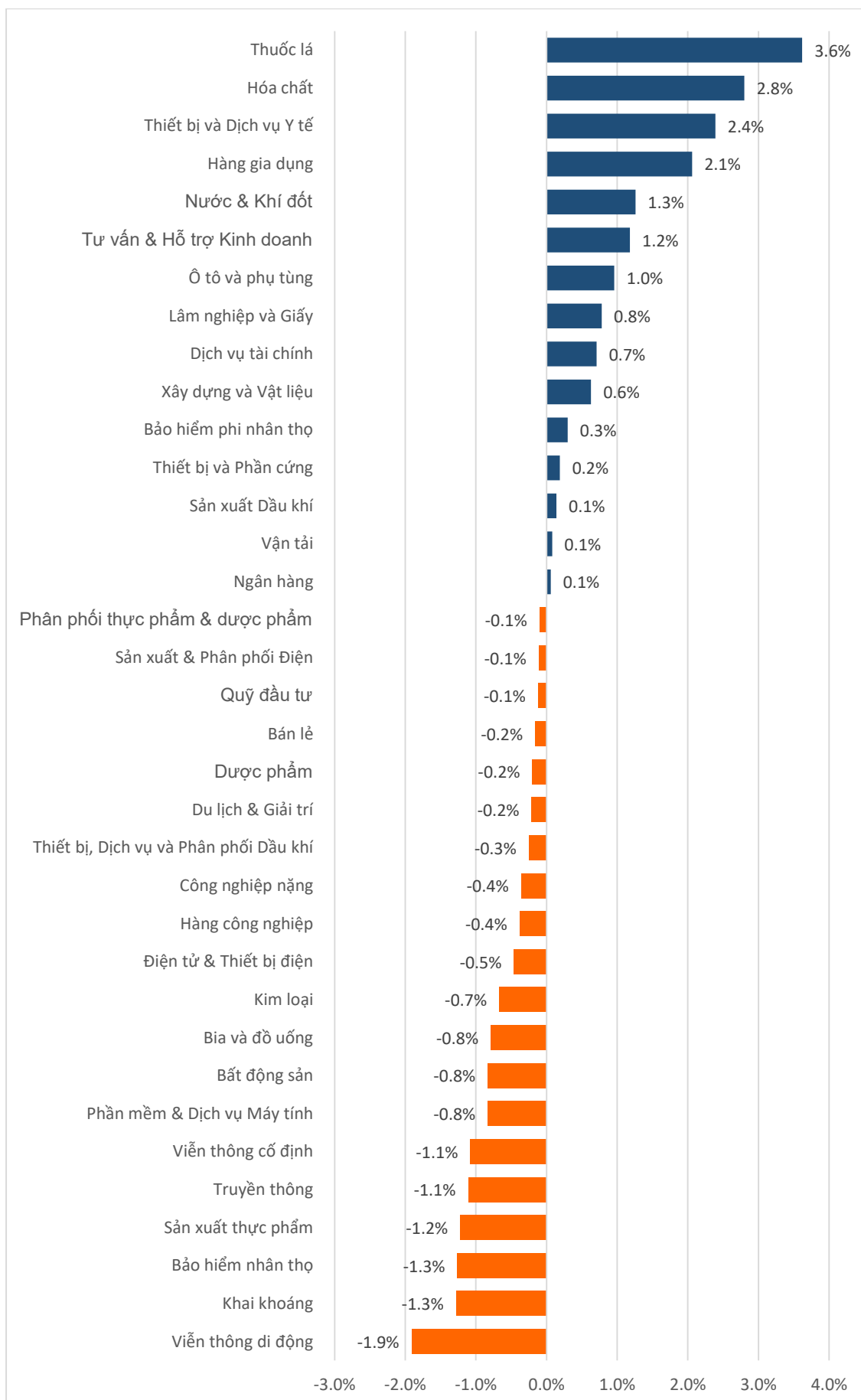
KLGD nhiều nhất	Khối lượng	TB 30 ngày
DIG	70,160,600	22,012,511
HPG	35,823,700	33,869,480
VND	33,212,700	33,064,480
EIB	30,799,500	17,837,088
DXG	30,004,000	10,874,425

KLGD nhiều nhất	Khối lượng	TB 30 ngày
SHS	554,700,322,100	25,936,214
CEO	397,128,439,100	11,341,407
HUT	106,384,804,400	5,324,911
PVS	204,240,121,600	7,237,102
MBS	136,704,499,900	5,070,238

KLGD nhiều nhất	Khối lượng	TB 30 ngày
BSR	101,689,440,300	7,163,367
PVX	5,789,160,500	408,640
SBS	20,064,764,200	2,971,496
DDV	34,151,689,300	1,744,882
DRI	19,676,978,600	552,883

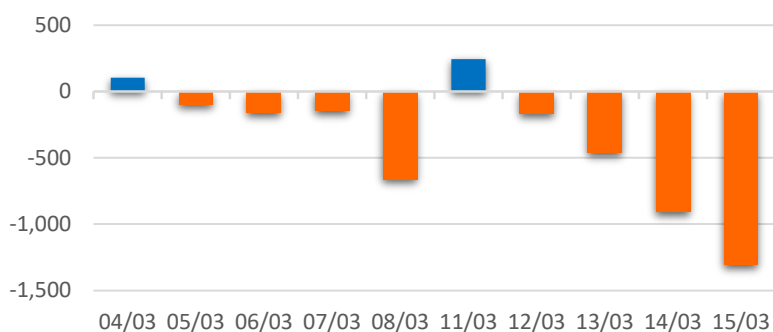
Nguồn: FinProX & YSVN

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



THÔNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

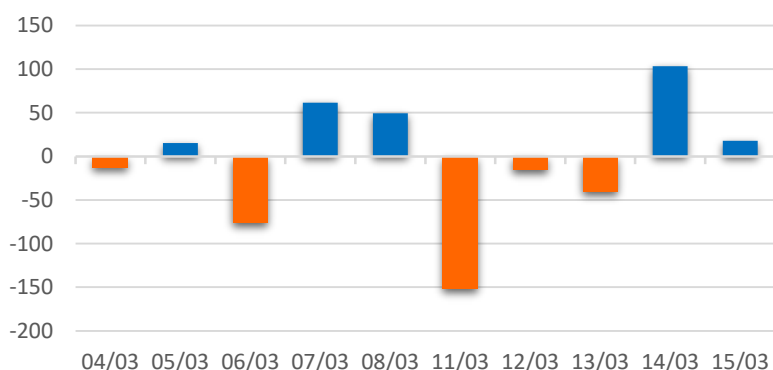
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
FTS	138,439	HPG	-198,380
DIG	99,700	VHM	-157,620
EIB	69,814	VND	-118,232
EVF	43,933	VNM	-94,427
DGW	43,920	STB	-94,364

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

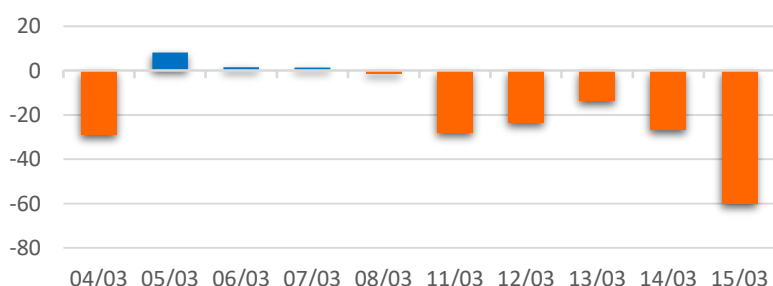
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	19,278	CEO	-8,367
SHS	13,839	MBS	-5,088
TIG	4,666	TNG	-3,650
IDC	3,412	LAS	-1,783
NBC	920	HMH	-1,726

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MPC	2,755	VEA	-31,556
ABI	256	BSR	-18,539
MCH	226	ACV	-9,386
PGB	165	LTG	-4,064
CSI	157	KVC	-261

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinProX – YSVN

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PLX	27,892	VPI	59,235
VNM	20,605	FPT	29,769
GAS	20,148	DIG	17,294
MSN	16,191	CII	7,438
VIC	14,923	SSI	6,846

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất trên HSX

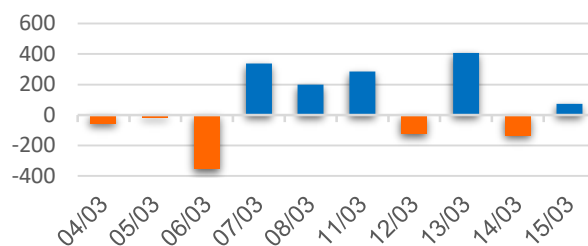
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
		PVS	35
		HHC	3
		ARM	2
		BTW	1
		VGP	1

Top các mã đạt GDTD lớn nhất trên HNX

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VEA	1,081.50	DDV	2,808
		GDA	235
		HIG	45
		TLT	1
		SII	1

Top các mã đạt GDTD lớn nhất trên UPCoM

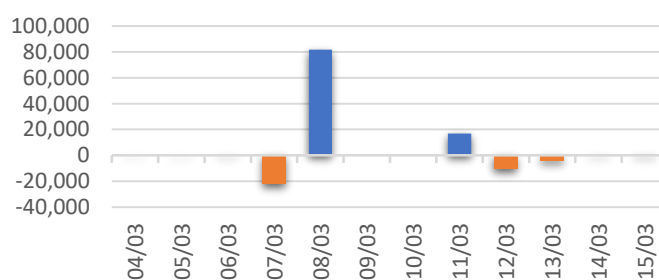
Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng trên HSX (tỷ đồng)



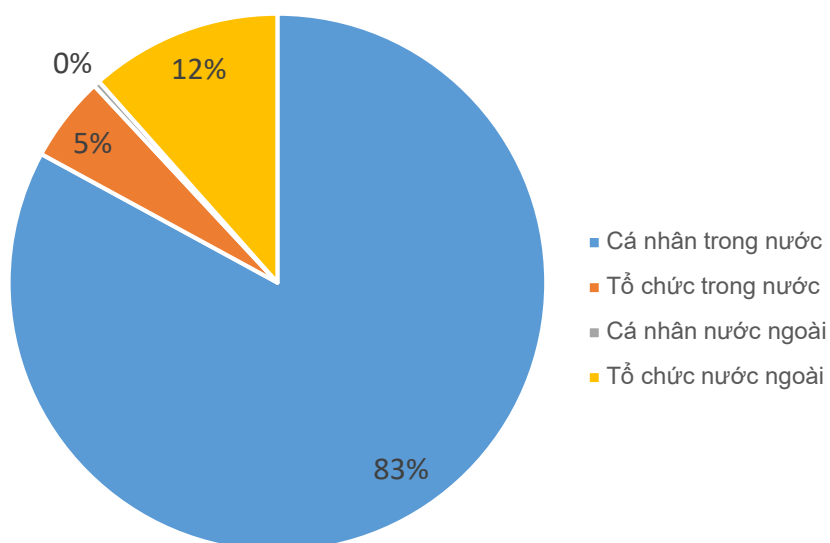
Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng HNX (triệu đồng)



Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng UPCoM (triệu đồng)



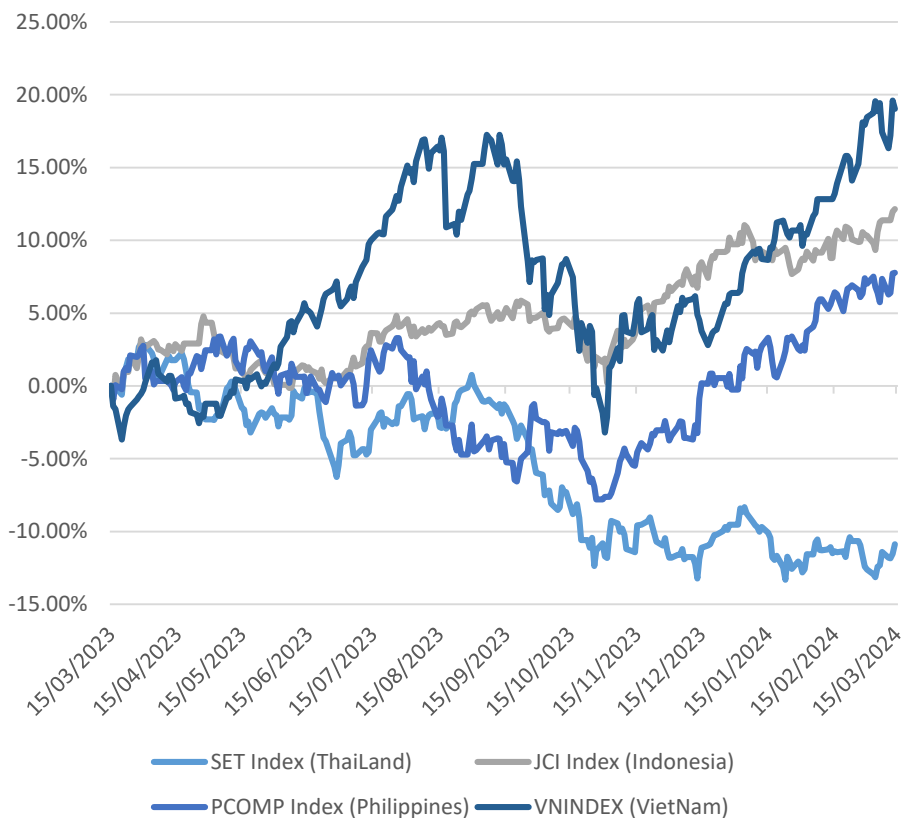
CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM



Nguồn: FinProX – YSVN



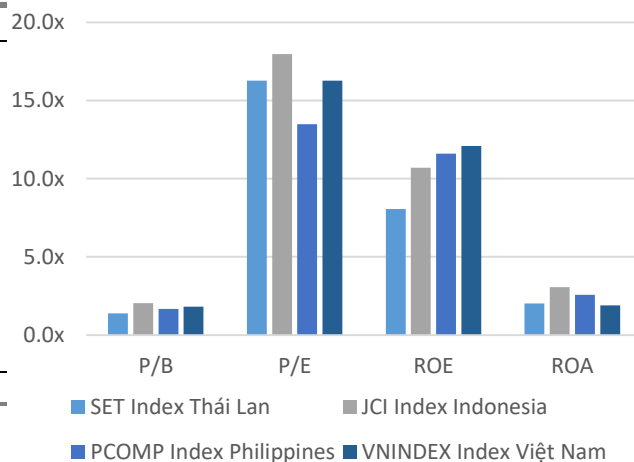
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.4x	2.0x	1.7x	1.8x
P/E		16.1x	17.9x	13.5x	16.4x
ROE	%	8.08	10.71	11.60	12.08
ROA	%	2.02	3.07	2.58	1.90
Vốn hóa	Tỷ USD	478.71	765.95	172.11	209.51
GTGD	Tỷ USD	0.95	0.75	0.09	0.95
LS cổ tức	%	3.25	3.30	2.59	1.57

Nguồn: Bloomberg & YSVN



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

+84 28 3622 6868 ext 3826

research.re@yuanta.com.vn

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 months Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written